



**Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ
FPT và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT
Thông tin về Công ty

Giấy đăng ký kinh doanh số 8593 QĐTC/VCN
0103001041

ngày 25 tháng 6 năm 1993
ngày 13 tháng 5 năm 2002

Giấy đăng ký kinh doanh do Viện Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia cấp. Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Trương Gia Bình	Chủ tịch
Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Phan Ngô Tổng Hưng	Phó Chủ tịch
Hoàng Minh Châu	Phó Chủ tịch
Trương Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch
Đỗ Cao Bảo	Thành viên
Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Hoàng Nam Tiến	Thành viên
Trương Đình Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Trương Gia Bình	Tổng Giám đốc
Lê Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bùi Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

89 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Trụ sở chính

Toà nhà FPT Cầu Giấy
B2, Khu Công nghiệp Cầu Giấy
Đường Phạm Hùng
Quận Cầu Giấy

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của từng năm tài chính. Các báo cáo này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam (“VAS”), trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”); kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Để lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán này;
- đưa ra các đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- khẳng định rằng các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ, ngoại trừ bất kỳ khác biệt trọng yếu nào được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh là không thích hợp.

Hội đồng Quản trị đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lập, trong đó trình bày, với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của VAS. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo toàn tài sản của Tập đoàn và theo đó có trách nhiệm thực hiện các bước thích hợp để ngăn chặn và phát hiện gian lận và những hành vi trái quy định khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con đã tuân thủ các yêu cầu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, qua văn bản này, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, những thay đổi về vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với VAS.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trương Gia Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (“Công ty FPT”)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (“Công ty FPT” hoặc “Công ty”) và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007. Các báo cáo này được trình bày từ trang 5 đến trang 35. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của họ ngày 24 tháng 3 năm 2007 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất do sự hạn chế về phạm vi kiểm toán liên quan đến một số vấn đề.

Ngoại trừ những vấn đề được nêu trong các vấn đề ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Tập đoàn, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở trình bày các vấn đề ngoại trừ

Số dư đầu năm

Khi kiểm toán các số dư đầu kỳ, chúng tôi không thể xác định được liệu các giao dịch nội bộ cùng với lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ này trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 có được loại trừ toàn bộ không và liệu hàng mua đang đi đường được ghi nhận trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 có đầy đủ, thực sự hiện hữu và chính xác không. Ngoài ra, một vài thông tin liên quan đến các số liệu so sánh không có sẵn cho mục đích trình bày các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi chỉ được chỉ định làm đơn vị kiểm toán cho Tập đoàn sau ngày 31 tháng 12 năm 2006, do đó chúng tôi đã không có mặt để chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho tại ngày này.

Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để xác định:

- việc loại trừ các giao dịch nội bộ trong năm 2006 và ảnh hưởng, nếu có, đến lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007;
- tính đầy đủ, sự hiện hữu và tính chính xác của hàng mua đang đi đường tại ngày 31 tháng 12 năm 2006;
- việc phân loại một số số liệu so sánh được trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất; và
- số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và ảnh hưởng, nếu có, đến lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Hơn nữa, trong năm trước, Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT đã ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán khi phát hành và nhận được hóa đơn mà không ghi nhận theo tiến độ hoàn thành của dịch vụ. Nếu các khoản doanh thu này được ghi nhận trên cơ sở xem xét tiến độ hoàn thành, lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 sẽ giảm đi dẫn đến sự tăng lên tương ứng của các số dư tài khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng và người mua trả tiền trước. Trong năm 2007, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận chưa phân phối sẽ tăng lên cùng với sự giảm đi tương ứng của các số dư tài khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng và người mua trả tiền trước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, của các vấn đề được nêu trong các vấn đề ngoại trừ nêu trên đối với các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy phép đầu tư số: 863/GP
Báo cáo kiểm toán số: 07-02-005

John T. Ditty
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0555/KTV
Tổng Giám đốc

Trần Hằng Thu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Hà Nội,

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		4.342.621.864.908	3.044.564.000.892
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	895.514.803.431	669.451.697.346
Tiền	111		815.402.303.431	669.451.697.346
Các khoản tương đương tiền	112		80.112.500.000	-
Các khoản phải thu	130		1.849.283.013.633	1.756.845.240.064
Phải thu khách hàng	131		1.511.116.511.987	1.509.767.129.454
Trả trước cho người bán	132		160.983.722.210	162.099.376.201
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		61.417.792.020	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	5	122.559.890.500	84.997.204.409
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(6.794.903.084)	(18.470.000)
Hàng tồn kho	140	6	1.428.218.348.569	554.668.876.542
Hàng tồn kho	141		1.430.100.351.304	554.668.876.542
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.882.002.735)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		169.605.699.275	63.598.186.940
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.806.669.927	17.262.964.358
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		130.809.485.421	40.847.030.591
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		-	1.284.084.462
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.989.543.927	4.204.107.529
Tài sản dài hạn	200		1.013.430.480.154	364.655.503.543
Tài sản cố định	220		641.607.535.448	329.468.612.613
Tài sản cố định hữu hình	221	7	598.227.349.892	276.837.024.963
Nguyên giá	222		954.246.329.790	481.440.832.928
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(356.018.979.898)	(204.603.807.965)
Tài sản cố định vô hình	227	8	34.571.052.492	15.938.727.374
Nguyên giá	228		55.249.810.480	25.682.093.461
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.678.757.988)	(9.743.366.087)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.809.133.064	36.692.860.276
Đầu tư dài hạn	250		321.827.414.410	13.295.852.500
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	299.211.461.910	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	258		23.795.852.500	13.295.852.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.179.900.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		49.995.530.296	21.891.038.430
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	41.168.799.336	19.903.812.430
Tài sản dài hạn khác	268		8.826.730.960	1.987.226.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.356.052.345.062	3.409.219.504.435

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.094.037.392.967	1.720.207.153.018
Nợ ngắn hạn	310		3.027.491.761.076	1.713.288.553.018
Vay ngắn hạn	311	12	1.249.346.229.823	778.038.988.407
Phải trả ngắn hạn cho người bán	312		1.060.378.510.836	626.707.305.363
Người mua trả tiền trước	313		160.212.032.853	71.236.498.237
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	242.917.140.667	82.471.454.156
Phải trả công nhân viên	315		72.644.756.270	67.208.378.634
Chi phí phải trả	316		78.376.658.967	459.678.582
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		10.432.220.698	-
Các khoản ứng trước của các cổ đông		14	86.757.990.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	43.592.479.849	67.426.954.368
Dự phòng bảo hành	320	16	22.833.740.513	19.739.295.271
Vay và nợ dài hạn	330		66.545.631.891	6.918.600.000
Nợ dài hạn khác	333		10.984.589.993	6.918.600.000
Vay dài hạn	334	17	54.500.667.513	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	614.494.465	-
Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay	337	16	445.879.920	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.262.014.952.095	1.689.012.351.417
Vốn chủ sở hữu	410		1.979.408.622.819	1.565.842.208.518
Vốn cổ phần	411	18	923.525.790.000	608.102.300.000
Thặng dư vốn	412		524.865.861.360	524.865.861.360
Cổ phiếu quỹ	414	18	(176.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.024.332.674)	(10.455.488)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		103.009.261	13.010.863.598
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		60.270.389.599	37.502.533.397
Lợi nhuận chưa phân phối	420		431.916.797.566	353.294.463.416
Quỹ phúc lợi và khen thưởng	431		37.177.107.707	26.326.642.235
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		2.750.000.000	2.750.000.000
Lợi ích cổ đông thiểu số	439		282.606.329.276	123.170.142.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		5.356.052.345.062	3.409.219.504.435

Người lập



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Quang Tiên
Phó Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tổng doanh thu	01	18	13.518.396.514.258	11.412.177.922.078
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	(19.505.744.417)	(14.173.051.410)
Doanh thu thuần	10		13.498.890.769.841	11.398.004.870.668
Giá vốn hàng bán	11	19	(11.537.442.806.276)	(10.031.488.771.628)
Lợi nhuận gộp	20		1.961.447.963.565	1.366.516.099.040
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	48.935.986.199	11.277.770.522
Chi phí hoạt động tài chính	22	21	(72.344.115.885)	(74.258.888.827)
Chi phí bán hàng	24		(384.773.203.149)	(357.567.307.328)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(600.167.811.674)	(367.691.100.900)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		953.098.819.056	578.276.572.507
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	22	100.711.660.272	57.037.461.810
Chi phí khác	32	23	(28.868.285.483)	(26.015.457.052)
Lợi nhuận từ đầu tư vào công ty liên kết	45		4.043.113.890	-
Lợi nhuận trước thuế	50		1.028.985.307.735	609.298.577.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	24	(148.714.637.609)	(73.686.819.439)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		880.270.670.126	535.611.757.826
Lợi nhuận thuần sau thuế thuộc về:				
Chủ sở hữu của Công ty mẹ			737.469.456.063	450.435.891.190
Lợi ích cổ đông thiểu số			142.801.214.063	85.175.866.636
Lãi trên cổ phiếu		26		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		8.043	8.008

Người lập



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Quang Tiên
Phó Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ phúc lợi và khen thưởng VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Cộng VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về lợi ích cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	547.292.000.000	-	-	-	109.131.518	21.734.908.037	74.904.050.164	-	2.750.000.000	646.790.089.719	39.644.200.000	686.434.289.719
Vốn góp	60.810.300.000	524.865.861.360	-	-	-	-	-	-	-	585.676.161.360	5.000.000.000	590.676.161.360
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	450.435.891.190	-	450.435.891.190	85.175.866.636	535.611.757.826
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.600.000)	(26.600.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	12.901.732.080	15.767.625.360	38.739.492.434	(67.408.849.874)	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(87.316.900.363)	-	-	(87.316.900.363)	-	(87.316.900.363)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(32.837.520.000)	-	(32.837.520.000)	-	(32.837.520.000)
Biến động khác	-	-	-	(10.455.488)	-	-	-	3.104.942.100	-	3.094.486.612	(6.623.323.737)	(3.528.837.125)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	608.102.300.000	524.865.861.360	-	(10.455.488)	13.010.863.598	37.502.533.397	26.326.642.235	353.294.463.416	2.750.000.000	1.565.842.208.518	123.170.142.899	1.689.012.351.417
Vốn góp	315.423.490.000	-	-	-	-	-	-	(304.051.140.000)	-	11.372.350.000	25.908.754.622	37.281.104.622
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	737.469.456.063	-	737.469.456.063	142.801.214.063	880.270.670.126
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(176.000.000)	-	-	-	-	-	-	(176.000.000)	(428.100.000)	(604.100.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	26.755.000.784	66.365.985.180	(93.120.985.964)	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(12.548.749.817)	(3.918.022.275)	(52.160.132.617)	-	-	(68.626.904.709)	(7.227.594.513)	(75.854.499.222)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(276.776.142.400)	-	(276.776.142.400)	(3.720.007.034)	(280.496.149.434)
Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	1.056.953.035	-	1.056.953.035	(6.056.953.035)	(5.000.000.000)
Lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	231.488	(360.953.317)	(103.463.585)	(54.006.856)	(4.780.237.205)	-	(5.298.429.475)	5.298.429.475	-
Biến động khác	-	-	-	(1.014.108.674)	1.848.797	34.341.278	(3.301.380.235)	18.824.430.621	-	14.545.131.787	2.860.442.799	17.405.574.586
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	923.525.790.000	524.865.861.360	(176.000.000)	(1.024.332.674)	103.009.261	60.270.389.599	37.177.107.707	431.916.797.566	2.750.000.000	1.979.408.622.819	282.606.329.276	2.262.014.952.095

Người lập



Nguyễn Thái Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Quang Tiến
Phó Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.028.985.307.735	609.298.577.265
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		170.933.484.994	106.819.175.194
Các khoản dự phòng	03		10.452.830.284	(708.439.270)
Lợi nhuận từ đầu tư vào công ty liên kết			(2.911.461.910)	-
Xóa sổ tài sản cố định (thuần)			224.628.087	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.013.877.186)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.020.858.578)	(651.472.711)
Chi phí lãi vay	06		42.955.516.407	57.960.675.488
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.246.605.569.833	772.718.515.966
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(193.517.518.379)	(581.095.728.923)
Tăng hàng tồn kho	10		(875.431.474.762)	(200.189.346.901)
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		804.844.584.666	391.813.876.398
Tăng chi phí trả trước	12		(39.808.692.475)	(1.545.031.381)
			942.692.468.883	381.702.285.159
Lãi vay đã trả	13		(42.796.905.355)	(57.960.675.488)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(106.309.996.772)	(98.446.379.030)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	25.780.000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(57.435.047.450)	(89.331.853.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		736.150.519.306	135.989.157.474
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và công trình xây dựng dở dang	21		(486.954.802.912)	(246.629.478.307)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		6.678.625.574	651.472.711
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(306.800.000.000)	(12.000.000.000)
Thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		-	191.077.000
Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đồng thiếu số			(5.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(792.076.177.338)	(257.786.928.596)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tăng vốn	31		11.372.350.000	590.676.161.360
Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con			25.908.754.622	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(604.100.000)	(18.500.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		6.181.524.164.314	5.581.874.306.556
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.655.716.255.385)	(5.761.757.487.958)
Tiền chi trả cổ tức	36		(280.496.149.434)	(34.568.652.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		281.988.764.117	376.205.827.958
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		226.063.106.085	254.408.056.835
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		669.451.697.346	415.058.160.511
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái	61		-	(14.520.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	895.514.803.431	669.451.697.346

Người lập



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Quang Tiên
Phó Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 8593/QĐTC/VCN ngày 25 tháng 6 năm 1993 do Viện Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia cấp, sau đó được sửa đổi bằng Giấy đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 13 tháng 5 năm 2002. Sau ngày 13 tháng 5 năm 2002 có thêm 14 lần sửa đổi đăng ký kinh doanh.

Công ty FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-Ttg và chính thức trở thành một công ty cổ phần. Từ năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin và viễn thông như tích hợp hệ thống, sản xuất và dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm CNTT; phân phối điện thoại di động; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị CNTT và thiết bị viễn thông và các dịch vụ thông tin liên lạc khác.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Chi tiết về các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 10.

Tổng vốn điều lệ của Công ty FPT theo quy định trong Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty là 912.153.400.000 Đồng Việt Nam. Vào ngày 22 tháng 4 năm 2007, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua một nghị quyết phê chuẩn việc tăng tổng số vốn điều lệ của Công ty FPT lên 923.525.790.000 Đồng Việt Nam. Tuy nhiên, Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi chính thức hiện đang chờ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tập đoàn có 9.344 nhân viên (2006: 7.008 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), trừ Thuyết minh số 3 được trình bày bằng triệu VND, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Mua lại các công ty con

Các giao dịch mua lại với các đơn vị chịu kiểm soát chung được hạch toán theo giá trị ghi sổ trước giao dịch của tài sản và công nợ phát sinh từ giao dịch mua lại. Chênh lệch giữa các khoản thanh toán đã trả và giá trị ghi sổ liên quan trước giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản Vốn khác và được báo cáo là “Chênh lệch giá trị các giao dịch mua lại giữa các đơn vị chịu kiểm soát chung”. Tập đoàn áp dụng chính sách không trình bày lại các số liệu so sánh như thể sự hợp nhất đã tồn tại trong suốt các kỳ báo cáo được trình bày.

Các công ty liên kết và liên doanh (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Quy đổi ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(ii) Các báo cáo tài chính của các hoạt động tại nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các hoạt động tại nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động tại nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận vào một khoản mục riêng thuộc vốn chủ sở hữu.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 - 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 6 năm
▪ tài sản khác	2 - 3 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền phát hành và bản quyền

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang được phản ánh theo giá gốc cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá gốc phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và các chi phí có thể phân bổ phù hợp với hợp đồng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ đối với chi phí thành lập và chi phí cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh trong giai đoạn từ ngày thành lập dự án đầu tư đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê.

(iii) Công cụ

Công cụ ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng ba năm.

(m) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(i) Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập tương đương với 1% tổng quỹ lương được sử dụng làm cơ sở để tính Bảo hiểm Xã hội, theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

(iii) Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Trường đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Trường đại học FPT, một công ty con của Công ty FPT.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê đã chi trả được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Hợp đồng dài hạn

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của hợp đồng khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(vii) Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(viii) Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp phí và học phí

Toàn bộ phí và học phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

(ix) Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(s) Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ các khoản phạt và các chi phí không được khấu trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế sau khi đã trừ các khoản phạt và các chi phí không được khấu trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Quỹ phúc lợi và khen thưởng được lập hàng năm bằng cách phân bổ 10% lợi nhuận thuần sau thuế sau khi đã trừ các khoản phạt và các chi phí không được khấu trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một bộ phận riêng biệt của Tập đoàn thực hiện cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh) hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận địa lý), chịu những rủi ro và hưởng những lợi ích khác với các rủi ro và lợi ích của các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính của Tập đoàn được lập trên cơ sở các bộ phận kinh doanh.

(w) Tài sản thế chấp

Tập đoàn thế chấp tài sản của mình làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng được ký kết với ngân hàng. Các trường hợp hạn chế sử dụng được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(Đơn vị Triệu VND)

Năm 2007

	Tích hợp hệ thống	Xuất khẩu phần mềm	Viễn thông	Đào tạo	Phân phối	Bán lẻ	Truyền thông	Dịch vụ bảo trì	Các bộ phận khác (ct1)	Loại trừ	Tổng cộng
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	1.813.615	476.064	841.694	64.960	10.153.887	58.599	83.415	5.006	1.651	-	13.498.891
Tổng doanh thu từ các giao dịch nội bộ	150.303	3.010	99.029	5.514	2.903.893	14.058	18.334	14.609	3.162	(3.211.912)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	1.963.918	479.074	940.723	70.474	13.057.780	72.657	101.749	19.615	4.813	(3.211.912)	13.498.891
Chi phí theo bộ phận											
Chi phí phân bổ trực tiếp	(1.765.883)	(301.182)	(614.474)	(47.888)	(12.605.242)	(87.204)	(85.184)	(14.811)	(41.495)	3.211.912	(12.351.451)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	198.035	177.892	326.249	22.586	452.538	(14.547)	16.565	4.804	(36.682)		1.147.440
Khấu hao tài sản cố định	(10.862)	(10.281)	(98.720)	(2.342)	(1.706)	(856)	(360)	(348)	(45.458)		(170.933)
Chi phí hoạt động tài chính thuần	(20.694)	4.845	2.584	(67)	(31.287)	(417)	90	168	21.370		(23.408)
Thu nhập/(chi phí) khác	14.269	292	(2.453)	331	54.818	5.266	(1.236)	1	555		71.843
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	4.043		4.043
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	180.748	172.748	227.660	20.508	474.363	(10.554)	15.059	4.625	(56.172)		1.028.985
Tài sản											
Tài sản ngắn hạn	938.532	207.513	397.137	24.671	1.713.131	63.825	64.275	29.087	2.238.780		
Tài sản cố định hữu hình	20.671	143.327	263.498	6.857	17.316	12.972	1.356	1.673	99.464		
Tài sản cố định vô hình	137	2.082	10.161	246	213	170	38	120	21.403		
Tổng tài sản	959.340	352.922	670.796	31.774	1.730.660	76.967	65.669	30.880	2.359.647		
Nợ phải trả											
Nợ ngắn hạn	708.466	103.138	347.298	6.344	1.543.239	43.047	21.374	15.922	2.170.642		
Nợ dài hạn	15	220	172	-	11.082	24	3	5	54.577		
Tổng nợ phải trả	708.481	103.358	347.470	6.344	1.554.321	43.071	21.377	15.927	2.225.219		
Mua tài sản cố định	13.440	13.841	186.057	1.885	7.862	12.279	922	821	38.137		

(ct1) Không bao gồm các giao dịch mà Công ty FPT thực hiện đại diện cho các công ty con.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(Đơn vị Triệu VNĐ)

Năm 2006

	Tích hợp hệ thống	Xuất khẩu phần mềm	Viễn thông	Đào tạo	Phân phối	Bán lẻ	Truyền thông	Dịch vụ bảo trì	Các bộ phận khác (ct1)	Loại trừ	Tổng cộng
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	1.937.159	267.058	571.130	42.512	8.414.941	-	163.926	-	1.278		11.398.004
Tổng doanh thu từ các giao dịch nội bộ	95.680	189	48.458	1.817	1.791.479	-	6.450	-	148.884	(2.092.957)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.032.839	267.247	619.588	44.329	10.206.420	-	170.376	-	150.162	(2.092.957)	11.398.004
Chi phí theo bộ phận											
Chi phí phân bổ trực tiếp	(1.817.222)	(179.038)	(404.159)	(25.483)	(10.080.903)	-	(146.979)	-	(181.690)	2.092.957	(10.742.517)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	215.617	88.209	215.429	18.846	125.517	-	23.397	-	(31.528)	-	655.487
Khấu hao tài sản cố định	(8.621)	(7.493)	(77.103)	(1.160)	(7.056)	-	(391)	-	(4.995)		(106.819)
Chi phí hoạt động tài chính thuần	(34.640)	447	(4.972)	-	(27.275)	-	(731)	-	9.211		(57.960)
Thu nhập/(chi phí) khác	6.543	627	567	-	109.365	-	-	-	1.488		118.590
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	178.899	81.790	133.921	17.686	200.551	-	22.275	-	(25.824)		609.298
Tài sản											
Tài sản ngắn hạn	949.571	113.875	136.741	24.077	1.120.813	-	6.458	-	2.462.928		
Tài sản cố định hữu hình	15.802	16.376	172.550	4.917	17.474	-	587	-	19.333		
Tài sản cố định vô hình	109	1.107	10.939	246	233	-	-	-	3.288		
Tổng tài sản	965.482	131.358	320.230	29.240	1.138.520	-	7.045	-	2.485.549		
Nợ phải trả											
Nợ ngắn hạn	797.920	16.524	163.364	6.913	1.070.913	-	5.011	-	1.271.593		
Nợ dài hạn	-	-	-	-	8.419	-	-	-	119.255		
Tổng nợ phải trả	797.920	16.524	163.364	6.913	1.079.332	-	5.011	-	1.390.848		
Mua tài sản cố định	9.876	7.511	145.981	2.373	7.310	-	-	-	41.036		

(ct1) Không bao gồm các giao dịch mà Công ty FPT thực hiện đại diện cho các công ty con.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	16.587.292.693	33.181.321.193
Tiền gửi ngân hàng	791.815.010.738	636.270.376.153
Tiền đang chuyển	7.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	80.112.500.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	895.514.803.431	669.451.697.346

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ có giá trị là 123.130 triệu VNĐ (2006: 132.129 triệu VNĐ).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm 164.554 triệu VNĐ (2006: 43.498 triệu VNĐ) nằm trong tài khoản phong tỏa. Trong số tiền gửi ngân hàng nằm trong tài khoản phong tỏa đó có 155.974 triệu VNĐ là số tiền cổ đông góp mua cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (xem Thuyết minh 14).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tạm ứng	2.111.407.219	3.915.711.360
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.438.706.618	6.517.685.156
Chiết khấu hàng bán phải thu	70.023.464.866	49.525.039.313
Các khoản phải thu khác	30.986.311.797	25.038.768.580
	122.559.890.500	84.997.204.409

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Số dư đầu năm	18.470.000	-
Tăng dự phòng trong năm	6.776.433.084	18.470.000
Dự phòng nợ khó đòi	6.794.903.084	18.470.000

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	330.411.724.972	3.226.282.510
Nguyên vật liệu	207.316.466	89.014.119
Công cụ và dụng cụ	1.410.950.474	1.949.002.467
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.223.516.761	-
Thành phẩm	4.954.895.274	2.909.140.126
Hàng hóa mua để bán	1.084.891.947.357	546.495.437.320
	1.430.100.351.304	554.668.876.542
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.882.002.735)	-
	1.428.218.348.569	554.668.876.542

Bao gồm trong thành phẩm và hàng hóa mua để bán tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có 26.918 triệu VNĐ (2006: bằng không) hàng tồn kho được ghi sổ theo giá trị thuần có thể thực hiện được .

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.294.464.689	267.874.782.113	185.990.119.982	13.661.058.290	1.620.407.854	481.440.832.928
Tăng trong năm	6.247.831.491	183.046.991.680	108.543.316.814	2.610.506.928	3.231.290.736	303.679.937.649
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	151.774.004.893	5.698.359.391	24.118.511.172	-	-	181.590.875.456
Thanh lý	(506.214.200)	(10.997.253.657)	(167.593.871)	-	(254.293.646)	(11.925.355.374)
Xóa sổ	-	(357.703.744)	(4.870.000)	-	(177.387.125)	(539.960.869)
Số dư cuối năm	169.810.086.873	445.265.175.783	318.479.484.097	16.271.565.218	4.420.017.819	954.246.329.790
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.728.365.164	134.559.044.145	58.337.426.595	6.332.602.980	646.369.081	204.603.807.965
Khấu hao trong năm	1.843.232.422	77.942.428.283	76.999.633.615	2.388.402.060	824.396.713	159.998.093.093
Thanh lý	(506.214.200)	(7.456.322.514)	(77.766.326)	-	(227.285.338)	(8.267.588.378)
Xóa sổ	-	(194.988.766)	(270.556)	-	(120.073.460)	(315.332.782)
Số dư cuối năm	6.065.383.386	204.850.161.148	135.259.023.328	8.721.005.040	1.123.406.996	356.018.979.898
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	163.744.703.487	240.415.014.635	183.220.460.769	7.550.560.178	3.296.610.823	598.227.349.892
Số dư đầu năm	7.566.099.525	133.315.737.968	127.652.693.387	7.328.455.310	974.038.773	276.837.024.963

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 66.870 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 67.836 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền phát hành và bản quyền VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm vi tính VND	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.432.728.464	-	8.608.786.574	4.640.578.423	25.682.093.461
Tăng trong năm	1.371.443.844	175.351.445	28.020.921.730	-	29.567.717.019
Số dư cuối năm	13.804.172.308	175.351.445	36.629.708.304	4.640.578.423	55.249.810.480
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.575.125.178	-	3.075.068.806	4.093.172.103	9.743.366.087
Khấu hao trong năm	2.685.441.018	4.870.873	8.123.409.594	121.670.416	10.935.391.901
Số dư cuối năm	5.260.566.196	4.870.873	11.198.478.400	4.214.842.519	20.678.757.988
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	8.543.606.112	170.480.572	25.431.229.904	425.735.904	34.571.052.492
Số dư đầu năm	9.857.603.286	-	5.533.717.768	547.406.320	15.938.727.374

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2007 VND	2006 VND
Số dư đầu năm	36.692.860.276	8.144.093.817
Tăng trong năm	153.707.148.244	28.548.766.459
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(181.590.875.456)	-
Số dư cuối năm	8.809.133.064	36.692.860.276

10. Đầu tư vào công ty liên kết

	2007 VND	2006 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	296.300.000.000	-
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết thuộc về Công ty	2.911.461.910	-
Số dư cuối năm	299.211.461.910	-

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Quốc gia thành lập	2007		2006	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con						
Công ty TNHH Công nghệ Di động FPT	Kinh doanh điện thoại di động	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm	Việt Nam	70,41%	70,41%	72,01%	72,01%
Công ty TNHH Phân phối FPT	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác	Việt Nam	44,18%	94,27%	45,45%	96,97%
Đại học FPT	Cung cấp dịch vụ đào tạo công nghệ	Việt Nam	100%	100%	66,67%	66,67%
Công ty TNHH Bán lẻ FPT	Phân phối phần cứng CNTT cho người sử dụng	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	Tổ chức triển lãm, hội nghị, sản xuất và kinh doanh phim và bản quyền	Việt Nam	60%	60%	-	-
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi	Việt Nam	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo	Việt Nam	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp	Việt Nam	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Phát triển Khu CNC Hòa Lạc FPT	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Việt Nam	100%	100%	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	Cung cấp các dịch vụ viễn thông	Việt Nam	35,05%	100%	-	-

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Quốc gia thành lập	2007		2006	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán	Việt Nam	25%	25%	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác	Việt Nam	33%	33%	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần FPT	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam	Việt Nam	15%	(ct2)	-	-

(ct2) Ngân hàng FPT đã được cấp giấy phép ngân hàng tạm thời vào ngày 3 tháng 12 năm 2007 và vào ngày đó một Ban quản lý Dự án đã được thành lập. Ban quản lý Dự án chịu trách nhiệm hoàn tất hồ sơ cần thiết trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xin cấp giấy phép ngân hàng chính thức.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VNĐ	Chi phí thuê văn phòng VNĐ	Công cụ VNĐ	Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng VNĐ	Lệ phí cấp giấy phép VNĐ	Các chi phí khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	1.308.166.808	5.055.912.384	815.869.727	2.825.520.817	-	9.898.342.694	19.903.812.430
Tăng trong năm	2.843.415.308	15.519.938.092	3.081.192.810	2.143.417.635	6.180.571.574	19.419.829.736	49.188.365.155
Xóa sổ	-	-	-	-	-	(161.200.000)	(161.200.000)
Phân bổ trong năm	(713.545.514)	(7.852.943.084)	(1.162.908.687)	(1.499.904.964)	(472.613.761)	(16.060.262.239)	(27.762.178.249)
Số dư cuối năm	3.438.036.602	12.722.907.392	2.734.153.850	3.469.033.488	5.707.957.813	13.096.710.191	41.168.799.336

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

12. Vay ngắn hạn

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Vay ngắn hạn	1.249.346.229.823	778.038.988.407
	1.249.346.229.823	778.038.988.407

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, trong số các khoản vay ngắn hạn có 703.355 triệu VNĐ được đảm bảo bằng tổng số vốn lưu động. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	109.788.360.452	-
Thuế xuất, nhập khẩu	53.063.023.053	24.365.502.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.243.484.999	27.616.688.079
Thuế thu nhập cá nhân	10.470.690.287	28.734.638.713
Các loại thuế khác	1.351.581.876	1.754.624.978
	242.917.140.667	82.471.454.156

14. Các khoản trả trước của các cổ đông

Các khoản trả trước của các cổ đông thể hiện số tiền nhận từ các cổ đông thiểu số liên quan đến việc tăng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã được phê duyệt tại nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 3 tháng 12 năm 2007. Vào ngày 4 tháng 2 năm 2008, việc tăng vốn đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn.

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Các khoản phải trả, phải nộp khác gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Bảo hiểm xã hội	1.218.488.976	858.071.878
Bảo hiểm y tế	547.796.498	340.957.929
Phí công đoàn	9.574.274.044	3.177.412.085
Cổ tức	2.036.856.842	120.735.009
Nhận ký quỹ ngắn hạn và tài sản đảm bảo	7.711.210.000	4.972.735.000
Quỹ ủy thác đã nhận liên quan đến các giao dịch nhập khẩu ủy thác	8.201.071.818	44.871.615.984
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.302.781.671	13.085.426.483
	43.592.479.849	67.426.954.368

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

16. Dự phòng

Dự phòng gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Bảo hành	22.833.740.513	19.739.295.271
Dự phòng trợ cấp thôi việc	614.494.465	-
Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay	445.879.920	-
	23.894.114.898	19.739.295.271
Ngắn hạn	22.833.740.513	19.739.295.271
Dài hạn	1.060.374.385	-
	23.894.114.898	19.739.295.271

17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn phản ánh một khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 133.490 triệu VNĐ và các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu. Tổng hạn mức tín dụng của khoản vay này là 11.037.000 USD được hoàn trả trong tám kỳ bán niên, bắt đầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2009 đến ngày 10 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

18. Vốn góp

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn là:

	2007		2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	92.352.579	923.525.790.000	60.810.230	608.102.300.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	91.899.459	918.994.590.000	60.810.230	608.102.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	453.120	4.531.200.000	-	-
	92.352.579	923.525.790.000	60.810.230	608.102.300.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu ưu đãi	(17.600)	(176.000.000)	-	-
	(17.600)	(176.000.000)	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	91.899.459	918.994.590.000	60.810.230	608.102.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	435.520	4.355.200.000	-	-
	92.334.979	923.349.790.000	60.810.230	608.102.300.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Đối với cổ phiếu mà Tập đoàn mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được tái phát hành.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Các cổ phiếu ưu đãi này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2007		2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	60.810.230	608.102.300.000	54.729.200	547.292.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	31.542.349	315.423.490.000	6.081.030	60.810.300.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(17.600)	(176.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	92.334.979	923.349.790.000	60.810.230	608.102.300.000

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	11.689.943.308.518	10.040.245.694.268
▪ Cung cấp dịch vụ	1.828.453.205.740	1.371.932.227.810
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(57.053.636)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(19.448.690.781)	(14.173.051.410)
Doanh thu thuần	13.498.890.769.841	11.398.004.870.668

20. Giá vốn hàng bán

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng hóa mua về đã bán	10.708.636.082.172	10.031.488.771.628
▪ Dịch vụ đã cung ứng	828.420.413.169	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	386.310.935	-
	11.537.442.806.276	10.031.488.771.628

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	15.938.807.911	8.085.853.808
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.314.983.237	3.191.916.714
Doanh thu khác từ hoạt động tài chính	682.195.051	-
	48.935.986.199	11.277.770.522

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

22. Chi phí hoạt động tài chính

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Chi phí lãi vay	42.955.516.407	57.960.675.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.944.746.955	16.029.668.345
Chi phí hoạt động tài chính khác	443.852.523	268.544.994
	72.344.115.885	74.258.888.827

23. Thu nhập khác

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tiền thưởng và các khoản ưu đãi khác	32.534.151.641	50.392.481.112
Lãi từ thanh lý tài cố định	6.678.625.574	206.817.569
Hoàn nhập phí bảo hành ghi nhận thừa trong năm 2006	4.079.537.024	-
Thu nhập cho thuê	3.110.722.223	-
Các thu nhập khác	54.308.623.810	6.438.163.129
	100.711.660.272	57.037.461.810

24. Chi phí khác

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Giá trị còn lại của tài cố định hữu hình đã thanh lý	3.657.766.996	291.964.329
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	1.596.213.587	157.429.070
Tiền thưởng và các khoản ưu đãi khác	4.859.332.673	21.655.421.743
Xóa sổ nợ xấu	1.754.565.975	-
Các chi phí khác	17.000.406.252	3.910.641.910
	28.868.285.483	26.015.457.052

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	147.582.985.629	73.686.819.439
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	1.131.651.980	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")	148.714.637.609	73.686.819.439

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.028.985.307.735	609.298.577.265
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong giấy đăng ký kinh doanh	288.115.886.166	170.603.601.634
Thu nhập không chịu thuế	(139.401.248.557)	(96.916.782.195)
	148.714.637.609	73.686.819.439

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế đối với sản xuất và dịch vụ phần mềm và 28% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ thời điểm Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2006.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty FPT được quy định trong các Giấy đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con.

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn là 737.469.456.063 VNĐ (2006: 450.435.891.190 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 91.685.818 (2006: 56.249.458), được thực hiện như sau:

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	737.469.456.063	450.435.891.190
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn	737.469.456.063	450.435.891.190

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2007 Cổ phiếu	2006 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	60.810.230	54.729.200
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào tháng 10 năm 2006	-	1.520.258
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 6 năm 2007	30.405.115	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 8 năm 2007	470.473	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	91.685.818	56.249.458

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất của giao dịch	2007 VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	7.273.723.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết	Góp vốn	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Góp vốn	36.300.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê	173.334.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Bán thiết bị văn phòng	292.234.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần FPT (ct3)		Góp vốn	150.000.000.000

(ct3) Xem Thuyết minh số 10, giá trị vốn góp đã được gửi vào một tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành và được chỉ định cho mục đích cụ thể là góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần FPT khi Ngân hàng được cấp giấy phép ngân hàng tạm thời.

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

28. Các cam kết

(a) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tập đoàn có các cam kết đầu tư đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

		2007 VNĐ	2006 VNĐ
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	(i)	884.840.000.000	-
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	(ii)	6.129.448.000	-
		890.969.448.000	-

(i) liên quan đến khoản đầu tư vào Dự án “Thành phố FPT Đà Nẵng”

(ii) liên quan đến Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Trong vòng một năm	78.405.190.704	25.412.516.947
Từ hai đến năm năm	210.005.182.329	59.812.800.301
Trên năm năm	43.957.447.194	4.007.922.626
	332.367.820.227	89.233.239.874

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Chi phí hàng hóa bao gồm trong chi phí sản xuất	10.500.457.499.744	9.578.144.055.870
Chi phí nhân công và nhân viên	599.266.669.801	351.440.576.716
Chi phí khấu hao	170.933.484.994	106.819.175.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.548.621.248	206.094.060.669
Các chi phí khác	943.177.545.312	605.977.848.576

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

30. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh liên quan đến số liệu trong các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	Phân loại lại trong báo cáo năm 2007 VNĐ	Theo báo cáo năm 2006 VNĐ
Các khoản phải thu khác (mã 218 thuộc Tài khoản Các khoản phải thu dài hạn)	-	314.925.000
Tài sản dài hạn khác	1.987.226.000	1.672.301.000
Tài sản cố định	276.837.024.963	247.020.707.111
Hàng tồn kho	554.668.876.542	584.485.194.394
Vay và nợ ngắn hạn	778.038.988.407	658.783.645.915
Dự phòng bảo hành	19.739.295.271	-
Nợ dài hạn khác	6.918.600.000	3.830.000.000
Vay và nợ dài hạn	-	122.343.942.492
Cổ phiếu quỹ	-	19.153.993
Lợi ích cổ đông thiểu số	123.170.142.899	123.189.296.892

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu	11.412.177.922.078	21.399.751.709.338
Các khoản giảm trừ doanh thu	(14.173.051.410)	-
Giá vốn hàng bán	(11.398.004.870.668)	(21.399.751.709.338)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(367.691.100.900)	(435.825.894.189)
Thu nhập khác	57.037.461.810	140.455.514.550

Người lập



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Quang Tiên
Phó Tổng Giám Đốc